

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 108/2024/HS-PT
Ngày 03-7-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Trần Ngọc S. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 401/2023/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Trần Ngọc S sinh năm 1994 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện T1, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X và bà Trần Thị A1; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2022; từ ngày 16/01/2023 đến ngày 12/10/2023 bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Viện pháp y tâm thần Trung ương B. Bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2023 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc S: Ông Ngô N - Luật sư Văn phòng Luật sư N1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Viết Th, sinh năm 1984; địa chỉ: số W đường Y, khu phố Đ, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc S làm nghề buôn bán trái cây và hàng rong, thu nhập không ổn định. Sáng ngày 20/9/2022, S ở tại phòng trọ thuộc khu phố Z, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương S có lấy ma túy đá ra sử dụng (mua từ ngày 19/9/2022, đã sử dụng một phần và còn sót lại). Sau đó do tâm trạng buồn chán, suy nghĩ đến việc gia đình (vợ bỏ đi), cuộc sống khó khăn, nghề nghiệp không ổn định, S quanh quẩn tại khu trọ của mình thuộc khu phố Z, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, S đi bộ ra khu vực ngã tư đường Y giao với đường số Q (cách khu trọ khoảng 1,5 km) và nói chuyện với 01 người bạn tên C (không rõ nhân thân, lai lịch, làm nghề buôn bán trái cây giống như S) được một lúc thì S đi bộ hướng ra vòng xoay E và nằm nghỉ mệt tại vỉa hè. Lúc này, S có ý định tự tử bằng cách trèo lên cột điện rồi nhảy xuống. S đi bộ quay lại ngã tư đường Y giao với đường số Q và đi đến cây cột điện để thực hiện ý định tự tử nhưng khi đến nơi S lại cảm thấy sợ chết nên từ bỏ ý định. S nhìn xung quanh thì thấy cách đó khoảng 10 m là tiệm vàng K, địa chỉ số W đường Y, khu phố Đ, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương. S nảy sinh ý định cướp vàng tại tiệm vàng K ném vàng ra đường cho người dân nhặt và để Công an bắt mình. S nhặt 01 khối bê tông màu nâu, kích thước đường kính khoảng 12 cm, nặng khoảng 1,5 kg tại lề đường rồi chạy vào tiệm vàng K. Khi đến nơi, S cầm khối bê tông đập nhiều cái vào mặt kính của tủ trưng bày làm vỡ một khoảng trống rồi S đưa tay phải vào trong tủ lấy 18 nhẫn vàng (loại vàng 18K) ném ra ngoài đường. Lúc này, chủ tiệm vàng là anh Nguyễn Viết Th đang ngồi phía sau tủ trưng bày đứng dậy ngăn cản, truy hô, cùng người dân xung quanh bắt giữ được S và nhặt lại được 08 nhẫn vàng, riêng 10 nhẫn vàng còn lại đã bị thất lạc, đến nay chưa thu hồi được.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 nhẫn kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 0,642 chỉ.

+ 01 nhẫn kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 1,086 chỉ.

+ 01 nhẫn kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 0,862 chỉ.

+ 01 nhẫn kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 1,195 chỉ.

+ 01 nhẫn kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 1,327 chỉ.

+ 01 nhẫn kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 0,791 chỉ.

+ 01 nhẫn kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 1,231 chỉ.

+ 01 nhẫn kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 0,61 chỉ.

+ 01 khối bê tông màu nâu, kích thước đường kính khoảng 12 cm.

+ 01 vết máu khô.

+ Nhiều mảnh kính vỡ.

Tại bản kết luận giám định số 5892/KL-KTHS ngày 22/11/2022 của Phân viện Kỹ thuật hình sự – Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“+ Ký hiệu mẫu M1: 01 nhẫn vàng được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au) – hàm lượng Vàng: 61,14%; Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng: 29,30%; Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc (Ag): 8,28%; Kẽm (Zn) – hàm lượng Kẽm: 1,27%; khối lượng 01 nhẫn (bao gồm cả đá): 3,4070 gam.

+ Ký hiệu mẫu M2: 01 nhẫn vàng được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au) – hàm lượng Vàng: 61,48%; Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng: 19,62%; Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc (Ag): 18,91%; khối lượng 01 nhẫn (bao gồm cả đá): 4,6313 gam.

+ Ký hiệu mẫu M3 01 nhẫn vàng được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au) – hàm lượng Vàng: 61,08%; Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng: 22,05%; Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc (Ag): 15,94%; Kẽm (Zn) – hàm lượng Kẽm: 0,93%; khối lượng 01 nhẫn (bao gồm cả đá): 4,9626 gam.

+ Ký hiệu mẫu M4: 01 nhẫn vàng được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au) – hàm lượng Vàng: 61,41%; Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng: 21,53%; Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc (Ag): 16,25%; Kẽm (Zn) – hàm lượng Kẽm: 0,81%; khối lượng 01 nhẫn (bao gồm cả đá): 5,0216 gam.

+ Ký hiệu mẫu M5: 01 nhẫn vàng được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au) – hàm lượng Vàng: 61,77%; Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng: 19,39%; Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc (Ag): 18,84%; khối lượng 01 nhẫn (bao gồm cả đá): 5,3471 gam.

+ Ký hiệu mẫu M6: 01 nhẫn vàng được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au) – hàm lượng Vàng: 61,83%; Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng: 23,46%; Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc (Ag): 11,81%; Kẽm (Zn) – hàm lượng Kẽm: 2,89%; khối lượng 01 nhẫn (bao gồm cả đá): 4,4700 gam.

+ Ký hiệu mẫu M7: 01 nhẫn vàng được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au) – hàm lượng Vàng: 61,20%; Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng: 23,78%; Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc (Ag): 11,88%; Kẽm (Zn) – hàm lượng Kẽm: 3,14%; khối lượng 01 nhẫn (bao gồm cả đá): 5,4676 gam.

+ Ký hiệu mẫu M8: 01 nhẫn vàng được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au) – hàm lượng Vàng: 62,63%; Đồng (Cu) – hàm

lượng Đồng: 20,08%; Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc (Ag): 16,57%; Kẽm (Zn) – hàm lượng Kẽm: 0,71%; khối lượng 01 nhẫn (bao gồm cả đá): 2,6388 gam.

Tại phiếu kiểm định mã số G97842 ngày 14/02/2023 của Công ty Cổ phần giám định Rồng Vàng – SJC kết luận:

“+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn nhiều viên đá giả (đá nhân tạo) màu trắng – Tổng trọng lượng: 3,40 gam, các viên đá không giá trị.

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn nhiều viên đá giả (đá nhân tạo) màu trắng – Tổng trọng lượng: 4,63 gam, các viên đá không giá trị.

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn nhiều viên đá giả (đá nhân tạo) màu trắng – Tổng trọng lượng: 4,96 gam, các viên đá không giá trị.

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn nhiều viên đá giả (đá nhân tạo) màu trắng – Tổng trọng lượng: 5,34 gam, các viên đá không giá trị.

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn nhiều viên đá giả (đá nhân tạo) màu trắng – Tổng trọng lượng: 4,46 gam, các viên đá không giá trị.

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn nhiều viên đá giả (đá nhân tạo) màu trắng – Tổng trọng lượng: 5,46 gam, các viên đá không giá trị.

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn nhiều viên đá giả (đá nhân tạo) màu trắng – Tổng trọng lượng: 2,63 gam, các viên đá không giá trị”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/BBĐG-HĐĐGTS ngày 10/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng Hình sự Ủy ban nhân dân thành phố A kết luận:

“+ 01 nhẫn vàng kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 0,642 chỉ trị giá 2.195.000 đồng.

+ 01 nhẫn vàng kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 1,086 chỉ trị giá 3.714.000 đồng.

+ 01 nhẫn vàng kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 0,862 chỉ trị giá 2.948.000 đồng.

+ 01 nhẫn vàng kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 1,195 chỉ trị giá 4.086.000 đồng.

+ 01 nhẫn vàng kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 1,327 chỉ trị giá 4.538.000 đồng.

+ 01 nhẫn vàng kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 0,791 chỉ trị giá 2.705.000 đồng.

+ 01 nhẫn vàng kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 1,231 chỉ trị giá 4.210.000 đồng.

+ 01 nhẫn vàng kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều viên đá giả, trọng lượng: 0,61 chỉ trị giá 2.086.000 đồng.

+ 01 tấm kính dày 10mm, kích thước 64,5cm x 286,5 cm trị giá 850.000 đồng”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 189/BBĐG-HĐĐGTS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự UBND thành phố A kết luận: “10 nhẫn kim loại bằng vàng 18K, có gắn nhiều đá giả, trọng lượng: 10 chỉ trị giá 34.240.000 đồng”.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 60.722.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 07/KL-VPYTW ngày 06/01/2023 của Viện pháp y tâm thần trung ương B đối với Trần Ngọc S xác định:

“+ Về y học: Trước, trong và sau khi gây án: Đang sự bị rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất kích thích với các triệu chứng trầm cảm chiếm ưu thế (F15.54-ICD.10)/ Viêm gan siêu vi B.

+ Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đang sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 686/KL-VPYTW ngày 22/9/2023 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hoà đối với Trần Ngọc S xác định:

“+ Bị bệnh: Rối loạn tâm thần về hành vi do sử dụng chất kích thích với các triệu chứng trầm cảm chiếm ưu thế (F15.54-ICD.10)/Viêm gan siêu vi B.

+ Hiện tại bệnh nhân đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 401/2023/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2023, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/9/2022 đến ngày 16/01/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKSBD-P7 kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 401/2023/HS-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc S.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Việc cấp sơ thẩm truy tố, xét xử đối với bị cáo Trần Ngọc S về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, bởi lẽ: tội “Cướp tài sản”, là tội phạm cùng một lúc xâm phạm hai khách thể bao gồm cả quan hệ về tài sản và quan hệ nhân thân, nhưng khách thể bị xâm phạm trước là quan hệ nhân thân, thông qua việc người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được, sau đó chiếm đoạt tài sản; nếu không xâm phạm đến quan hệ nhân thân thì người phạm tội không thể xâm phạm đến quan hệ tài sản được, đây là dấu hiệu đặc trưng cơ bản của tội “Cướp tài sản”.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Ngọc S có hành vi nhặt 01 khối bê tông đập nhiều cái vào mặt kính của tủ trưng bày tại tiệm vàng K, làm vỡ một khoảng trống rồi đưa tay phải vào trong tủ lấy 18 nhẫn vàng (loại vàng 18K) ném ra ngoài đường; lúc này chủ tiệm vàng là ông Nguyễn Viết Th đang ngồi phía sau tủ trưng bày đứng dậy lấy tay đẩy tay của bị cáo S ra không cho bị cáo tiếp tục lấy vàng ném ra ngoài, truy hô, cùng người dân xung quanh bắt giữ bị cáo S. Như vậy, bị cáo S cầm cục gạch là nhằm vào việc đập vỡ tủ kính để lấy vàng ném ra ngoài đường, bị cáo S không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với ông Th; đồng thời ông Th có hành vi đứng dậy ngăn cản bị cáo S, điều này chứng tỏ hành vi của bị cáo S không làm cho ông Th lâm vào tình trạng không thể chống cự được nên chưa thỏa mãn yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo S nhanh chóng xông đến dùng cục gạch đập vỡ mặt tủ kính làm cho ông Th bị bất ngờ là phương thức, thủ đoạn để bị cáo tiếp cận được tài sản, sau khi làm vỡ một khoảng trống trên mặt tủ kính, bị cáo S có hành vi đưa tay phải vào trong tủ nhanh chóng lấy 18 nhẫn vàng ném ra ngoài đường, công khai chiếm đoạt đối với chủ sở hữu tài sản là ông Th với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 60.722.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, với tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên đủ cơ sở khẳng định Kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKSBD-P7 ngày 18/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 401/2023/HS-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc S là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét Hội đồng xét xử, chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 372/2023/HS-ST ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương theo hướng tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Cướp giật tài sản”,

quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Trong vụ án này bị cáo không có dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực nhằm để đe dọa chủ sở hữu tài sản, nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”; thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm về phần tội danh; tuy nhiên về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo hạn chế về nhận thức khi thực hiện hành vi phạm tội; đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội trở về chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 20/9/2022, tại tiệm vàng K địa chỉ số W đường Y, khu phố Đ, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương, Trần Ngọc S đã có hành vi nhặt 01 khối bê tông màu nâu, kích thước đường kính khoảng 12 cm, nặng khoảng 1,5 kg tại lề đường rồi cầm khối bê tông đập nhiều cái vào mặt kính của tủ trưng bày làm vỡ một khoảng trống rồi S đưa tay phải vào trong tủ lấy 18 nhẫn vàng (loại vàng 18K) ném ra ngoài đường; tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 60.722.000 đồng.

[3] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKSBD-P7 ngày 18/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 401/2023/HS-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương; Hội xét xử xét thấy hành vi của bị cáo S khi đang giảng và ngăn cản của của người bị hại đối với bị cáo thì bị cáo đã nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người bị hại ném ra ngoài làm cho người bị hại không thể chống cự được hành vi thực hiện của bị cáo; đây là dấu hiệu của tội “Cướp tài sản”

[4] Bị cáo Trần Ngọc S nhặt 01 khối bê tông đập nhiều cái vào mặt kính tủ trưng bày vàng tại tiệm vàng K, ông Nguyễn Viết Th là chủ tiệm vàng nghe tiếng động lớn nên đứng lên nhìn thấy bị cáo S; ông Th và đang giảng co ngăn cản thì bị cáo S nhanh chóng dùng tay lấy số vàng trong tủ kính đã đập ném số

vàng ra ngoài gồm 18 nhẫn vàng (loại vàng 18K); ông Nguyễn Viết Th ngăn cản và đẩy bị cáo S ra không cho bị cáo tiếp tục lấy vàng ném ra ngoài, truy hô, cùng người dân xung quanh bắt giữ; tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 60.722.000 (sáu mươi triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn) đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Ngọc S về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Kết luận giám định pháp y tâm số 686/KL-VPYTW ngày 22/9/2023 của Viện pháp y tâm thần trung ương B đối với Trần Ngọc S xác định: trước, trong và sau khi gây án bị cáo bị rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất kích thích với các triệu chứng trầm cảm chiếm ưu thế (F15.54-ICD.10); Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không có kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới; do tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thiếu 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên sẽ áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về phần tội danh là không phù hợp, về phần giảm nhẹ hình phạt là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKSBD-P7 ngày 18/01/2024, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

[7] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về phần giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ chấp nhận một phần.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Ngọc S không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKSBD-P7 ngày 18/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về phần giảm nhẹ hình phạt, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 401/2023/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương, như sau:

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt: áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2023, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/9/2022 đến ngày 16/01/2023.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Trần Ngọc S không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố A, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố A, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo,
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bình Dương;
- UBND phường xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VT (3), hồ sơ vụ án, NMT, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc